



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

**DANH SÁCH PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC HUYỆN MÊ LINH NĂM 2025**
(Đính kèm Thông báo số: 482 /TB-HĐTD ngày 07/ 5 /2025 của Hội đồng tuyển dụng)

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
1	1	ML01	Ngô Minh	Trang	21/8/1992	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	
2	1	ML02	Nguyễn Việt	Trình	18/12/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	
3	1	ML03	Nguyễn Thị Thanh	Vân	28/5/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	
4	1	ML04	Hoàng Hải	Yến	06/12/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Chi Đông	DTTS
5	1	ML05	Trần Thị Vân	Anh	23/3/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
6	1	ML06	Nguyễn Phương	Anh	22/01/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
7	1	ML07	Nguyễn Thị Hoài	Đức	11/2/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
8	1	ML08	Nguyễn Thị Thuý	Dung	07/04/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
9	1	ML09	Phùng Thị	Hoài	07/01/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
10	1	ML10	Lê Thị	Hương	15/12/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
11	1	ML11	Nguyễn Thị	Huyền	11/8/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
12	1	ML12	Phùng Thị Minh	Nguyệt	08/12/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
13	1	ML13	Nguyễn Thị	Thịnh	10/10/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
14	1	ML14	Trần Thị	Thuý	06/2/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
15	1	ML15	Nguyễn Thu	Thuý	18/04/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
16	1	ML16	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/04/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
17	1	ML17	Nguyễn Thị	Uyên	20/10/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh A	
18	1	ML18	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/06/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	
19	1	ML19	Vương Thị Thùy	Dương	28/10/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	
20	1	ML20	Nguyễn Thị Minh	Dương	09/3/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	
21	1	ML21	Đỗ Thị	Liên	28/07/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	
22	1	ML22	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	24/7/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	
23	1	ML23	Nguyễn Thị	Thuý	20/11/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	
24	1	ML24	Đỗ Thị	Thuý	10/05/1982	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Đại Thịnh B	
25	1	ML25	Nguyễn Quốc Thị	Lâm	15/2/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	
26	1	ML26	Lương Thị	Thắm	08/09/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	DTTS
27	1	ML27	Đinh Thị	Thanh	05/07/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	
28	1	ML28	Nguyễn Thị	Thom	03/7/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Mê Linh	
29	1	ML29	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/09/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
30	1	ML30	Nguyễn Minh	Ánh	25/11/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
31	1	ML31	Nguyễn Thị Hương	Giang	12/10/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
32	1	ML32	Vương Thị	Hà	25/9/1992	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
33	1	ML33	Nguyễn Thị	Huệ	26/11/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
34	1	ML34	Lê Hải	Hương	28/02/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
35	1	ML35	Nguyễn Thị	Thận	02/1/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
36	1	ML36	Nguyễn Thị	Thu	07/03/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh A	
37	1	ML37	Hoàng Thị	Thương	28/12/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN quang Minh A	DTTS
38	2	ML38	Hà Thị	Hằng	10/8/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	DTTS

39	2	ML39	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	05/6/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	
----	---	------	-----------------	------	-----------	----	------------	-----------	-----------------	--

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
40	2	ML40	Nguyễn Thị	Hoàn	07/08/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	
41	2	ML41	Nguyễn Thu	Hương	09/5/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	
42	2	ML42	Trần Thị	Thu	12/01/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Quang Minh B	
43	2	ML43	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
44	2	ML44	Nguyễn Mai	Anh	21/10/2001	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
45	2	ML45	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/8/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
46	2	ML46	Nguyễn Thị	Hà	23/10/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
47	2	ML47	Lưu Thị Thuý	Hằng	26/6/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
48	2	ML48	Nguyễn Thị	Hằng	09/9/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
49	2	ML49	Trần Thị	Hạnh	22/12/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
50	2	ML50	Bùi Thị Thanh	Háo	18/8/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
51	2	ML51	Tạ Thị	Huệ	17/11/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
52	2	ML52	Nguyễn Thu	Hương	15/7/1996	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
53	2	ML53	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/01/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
54	2	ML54	Trần Thị	Mặn	14/4/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	Con TB
55	2	ML55	Nguyễn Minh	Nguyệt	21/5/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
56	2	ML56	Đỗ Thị	Nhung	01/04/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
57	2	ML57	Đỗ Thị	Phương	01/9/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
58	2	ML58	Nguyễn Thị	Thào	22/12/1989	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
59	2	ML59	Nguyễn Thị	Thúy	20/12/1989	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
60	2	ML60	Nguyễn Thị	Tuyên	14/11/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
61	2	ML61	Nguyễn Thị	Xuất	20/9/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tam Đồng	
62	2	ML62	Trần Thị	Duyên	25/02/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	
63	2	ML63	Trần Thị	Duyên	05/12/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	
64	2	ML64	Phạm Thị	Hà	17/9/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	
65	2	ML65	Hà Thị Kim	Hằng	07/9/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	
66	2	ML66	Tạ Thị	Tĩnh	24/6/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	
67	2	ML67	Kim Thị	Trang	10/9/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thạch Đà A	
68	2	ML68	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/08/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
69	2	ML69	Bùi Thị	Ánh	13/7/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
70	2	ML70	Nguyễn Thị	Chuyên	08/3/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
71	2	ML71	Trương Thị	Duyên	04/09/1984	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
72	2	ML72	Trần Thị	Hà	22/9/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
73	2	ML73	Cao Thị	Hoàng	18/5/1988	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
74	2	ML74	Nguyễn Thị Trà	My	01/05/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
75	3	ML75	Nguyễn Thị	Năm	10/01/1990	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Thanh Lâm B	
76	3	ML76	Nguyễn Thị Minh	Châu	27/02/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	
77	3	ML77	Hoàng Thị	Hạnh	01/3/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	
78	3	ML78	Nguyễn Thị	Hạnh	01/09/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	
79	3	ML79	Trần Thị Hương	Lan	04/10/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiền Phong B	
80	3	ML80	Đỗ Thị	Hằng	06/01/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	
81	3	ML81	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	28/9/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	
82	3	ML82	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	14/01/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
-------	-----------	-------------	----	-----	------------------	-----------	-----------------------	-----------------------	--------------------------	--------------

83	3	ML83	Bùi Thị Khanh	17/7/1989	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	
84	3	ML84	Nguyễn Thị Oanh	18/6/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	
85	3	ML85	Nguyễn Thị Phong	02/02/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng A	
86	3	ML86	Nguyễn Thị Thanh Bình	04/01/1997	Nữ	GV Mầm non	Miền thi	MN Tiến Thắng B	
87	3	ML87	Lưu Thị Hà	17/06/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
88	3	ML88	Lê Thị Thu Hà	20/09/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
89	3	ML89	Lê Thị Hằng	22/01/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
90	3	ML90	Bùi Thị Hạnh	07/07/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
91	3	ML91	Phạm Thị Thu Hương	05/4/2001	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
92	3	ML92	Trần Thị Huyền	19/9/1992	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
93	3	ML93	Trần Thị Lựu	01/06/1993	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
94	3	ML94	Đỗ Minh Nguyệt	15/2/1998	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
95	3	ML95	Trần Nguyễn Kim Oanh	30/10/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
96	3	ML96	Lương Thị Tầm	13/8/1990	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
97	3	ML97	Lê Thị Trang	20/3/1985	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
98	3	ML98	Nguyễn Thị Vân	01/9/1994	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
99	3	ML99	Phạm Thị Vui	24/10/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tiến Thắng B	
100	4	ML100	Nguyễn Thị Phương Anh	16/12/2002	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	
101	4	ML101	Lê Thị Thu Hiền	07/8/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	
102	4	ML102	Đoàn Thị Thu Hương	18/11/1991	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	
103	4	ML103	Đỗ Thị Hương Nhài	25/01/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	
104	4	ML104	Vương Hoài Thu	18/6/2000	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	
105	4	ML105	Ngô Thị Thanh Xuân	19/01/1999	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Tráng Việt	
106	4	ML106	Bùi Thị Dung	12/02/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	
107	4	ML107	Nguyễn Thị Hiền	28/5/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	
108	4	ML108	Nguyễn Thị Huyền	03/11/2003	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	
109	4	ML109	Tạ Thị Minh Phương	02/9/1997	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	
110	4	ML110	Lê Thị Tâm	04/01/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	
111	4	ML111	Lê Thị Hồng Vân	15/12/1995	Nữ	GV Mầm non	Tiếng Anh	MN Văn Khê A	
112	4	ML112	Nguyễn Quỳnh Anh	28/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
113	4	ML113	Phan Nhật Diễm	04/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
114	4	ML114	Nguyễn Thị Thu Hà	26/7/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
115	4	ML115	Đỗ Thị Thu Hải	05/3/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
116	4	ML116	Đỗ Thuý Hằng	25/12/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
117	4	ML117	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28/12/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
118	4	ML118	Nguyễn Thị Thu Hương	24/8/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
119	4	ML119	Nguyễn Thanh Mai	07/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
120	4	ML120	Hà Kiều My	15/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
121	4	ML121	Lê Thị Tâm	12/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
122	4	ML122	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/03/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
123	4	ML123	Bùi Thị Thom	27/07/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
124	4	ML124	Nguyễn Thị Thương	01/10/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
125	4	ML125	Nguyễn Thị Tuyết	07/07/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
126	4	ML126	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	24/12/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chu Phan	
127	4	ML127	Dương Thị Thúy	Ngân	25/07/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Chu Phan	
128	4	ML128	Nguyễn Lê Tú	Anh	12/2/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh A	
129	4	ML129	Chu Thị Thanh	Hằng	02/01/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh A	
130	4	ML130	Quách Mỹ	Hạnh	30/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh A	
131	4	ML131	Nguyễn Thị	Duyên	02/9/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
132	4	ML132	Đỗ Thị Thu	Giang	23/4/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
133	4	ML133	Nguyễn Thúy	Hằng	22/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
134	4	ML134	Ninh Thị	Hiền	23/11/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
135	4	ML135	Nguyễn Thu	Hiền	10/12/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
136	4	ML136	Nguyễn Thị	Hoạt	01/10/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
137	5	ML137	Nguyễn Thị Như	Huyền	08/06/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	Con CĐDC
138	5	ML138	Đỗ Khánh	Linh	26/4/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
139	5	ML139	Nguyễn Thị	Mai	18/07/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
140	5	ML140	Phạm Thị	Mơ	17/09/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
141	5	ML141	Phạm Hoàng Diệu	Ngân	04/11/2000	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Đại Thịnh B	
142	5	ML142	Lê Thị	Ngọc	30/03/1990	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
143	5	ML143	Đinh Hồng	Nhung	03/03/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
144	5	ML144	Nguyễn Khánh	Thư	21/09/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
145	5	ML145	Lê Thu	Trang	22/6/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
146	5	ML146	Nguyễn Thu	Trang	27/03/1995	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Đại Thịnh B	
147	5	ML147	Lê Thảo	Vân	17/7/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	
148	5	ML148	Hà Thị	Việt	17/12/1991	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Đại Thịnh B	Con BB
149	5	ML149	Lê Hồng	Dương	28/08/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	
150	5	ML150	Nguyễn Thị Thanh	Hải	22/11/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	
151	5	ML151	Bùi Thị	Hoan	13/7/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	DTTS
152	5	ML152	Nguyễn Thị Bích	Loan	10/04/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Kim Hoa B	
153	5	ML153	Lê Thị Thu	Hà	19/6/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	
154	5	ML154	Trần Thị Thu	Hường	20/01/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	
155	5	ML155	Phạm Thị Phương	Huyền	30/08/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	
156	5	ML156	Lê Thị	Thị	10/5/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Liên Mạc B	
157	5	ML157	Nguyễn Phương	Anh	12/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Mê Linh	
158	5	ML158	Dương Linh	Nhung	12/02/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Mê Linh	
159	5	ML159	Bùi Quỳnh	Anh	09/7/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
160	5	ML160	Trần Tô Ánh	Hằng	19/7/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
161	5	ML161	Nguyễn Thị	Hiền	03/12/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
162	5	ML162	Trịnh Khánh	Linh	04/10/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
163	5	ML163	Nguyễn Thị Trang	Tân	07/11/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
164	5	ML164	Trương Thị	Thắm	07/6/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
165	5	ML165	Trần Thị	Vân	09/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
166	5	ML166	Nguyễn Thị Thảo	Anh	13/12/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	Con TB
167	5	ML167	Phạm Hương	Giang	30/04/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
168	5	ML168	Hoàng Hồng	Hạnh	28/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	Miễn Thi	TH Quang Minh B	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
169	5	ML169	Nguyễn Thị	Hậu	05/03/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	DTTS
170	5	ML170	Nghiêm Lan	Hương	27/11/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
171	5	ML171	Ngô Thị Thanh	Huyền	16/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
172	5	ML172	Phạm Khánh	Linh	29/11/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
173	5	ML173	Nguyễn Thị	Lưu	24/11/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
174	6	ML174	Trương Thị	Nhung	16/9/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
175	6	ML175	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/5/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
176	6	ML176	Đỗ Hải	Yến	22/3/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh B	
177	6	ML177	Bùi Thị	Chiều	12/11/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
178	6	ML178	Phạm Thị Tuyết	Chinh	20/10/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
179	6	ML179	Nguyễn Thị Thanh	Hà	20/01/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
180	6	ML180	Dương Thị Thanh	Hằng	06/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
181	6	ML181	Phùng Thị	Hằng	27/09/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
182	6	ML182	Lưu Thị Long	Lan	05/03/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
183	6	ML183	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/5/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
184	6	ML184	Nguyễn Thị	Luyến	25/09/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
185	6	ML185	Nguyễn Thị	Thánh	03/7/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
186	6	ML186	Đinh Thị	Vượng	20/6/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
187	6	ML187	Nguyễn Thị Huyền	Thu	04/05/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tam Đồng	
188	6	ML188	Nguyễn Đức	Linh	11/06/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thạch Đà B	
189	6	ML189	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	16/11/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thạch Đà B	
190	6	ML190	Nguyễn Lan	Hương	10/08/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	
191	6	ML191	Nguyễn Thị	Huyền	07/8/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	
192	6	ML192	Nguyễn Thị	Lan	26/10/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	
193	6	ML193	Hồ Thị	Mai	19/3/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Trung	TH Thanh Lâm B	
194	6	ML194	Nguyễn Bích	Ngọc	03/05/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	
195	6	ML195	Đào Thị	Phượng	05/2/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	
196	6	ML196	Phùng Linh	Trang	21/07/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	
197	6	ML197	Nguyễn Thị	Tuyết	18/10/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Thanh Lâm B	
198	6	ML198	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/12/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
199	7	ML199	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/8/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
200	7	ML200	Lê Thị	Hiền	06/1/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
201	7	ML201	Đàm Thị	Huế	28/10/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
202	7	ML202	Quách Thị Khánh	Linh	16/01/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
203	7	ML203	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/10/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
204	7	ML204	Văn Ngọc	Quỳnh	03/8/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
205	7	ML205	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/5/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
206	7	ML206	Nguyễn Thị	Tâm	02/10/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
207	7	ML207	Nguyễn Thị	Thắm	24/04/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
208	7	ML208	Lê Thị	Thủy	27/3/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
209	7	ML209	Ngô Thị Thu	Uyên	13/4/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
210	7	ML210	Vũ Thị Thuý	Vân	30/7/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
211	7	ML211	Lê Thị Hải	Yến	30/4/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
212	7	ML212	Nguyễn Phương	Mai	31/05/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong A	
213	7	ML213	Trương Hoài	An	29/11/2003	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Tiền Phong B	
214	7	ML214	Bùi Thị Bảo	Anh	14/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
215	7	ML215	Nguyễn Diệu	Anh	25/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Tiền Phong B	
216	7	ML216	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29/8/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
217	7	ML217	Khổng Lam	Giang	05/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
218	7	ML218	Nguyễn Hương	Giang	14/2/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
219	7	ML219	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	12/8/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
220	7	ML220	Nguyễn Thuỳ	Linh	23/11/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
221	7	ML221	Phạm Diệu	Linh	09/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
222	7	ML222	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/02/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
223	7	ML223	Đồng Thị	Ngọc	13/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
224	7	ML224	Lê Hồng	Nhung	12/10/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
225	7	ML225	Trương Hoàng Ngọc	Oanh	10/11/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
226	7	ML226	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	21/9/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
227	7	ML227	Nguyễn Thanh	Thảo	22/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
228	7	ML228	Lê Huyền	Trang	05/11/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
229	7	ML229	Nguyễn Thị	Vân	12/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Phong B	
230	7	ML230	Trần Kiều	Anh	26/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
231	7	ML231	Trần Thị Quỳnh	Chi	20/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
232	7	ML232	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	10/03/1992	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
233	7	ML233	Lê Thị Thu	Hường	04/3/1991	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
234	7	ML234	Tạ Thị Thu	Hường	16/6/1987	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
235	8	ML235	Đỗ Hồng Lâm	Khánh	12/08/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
236	8	ML236	Nguyễn Kim	Liên	02/11/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
237	8	ML237	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	11/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
238	8	ML238	Nguyễn Huy	Trà	21/6/1991	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
239	8	ML239	Bùi Vũ Thảo	Trang	22/04/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng A	
240	8	ML240	Nguyễn Thị	Linh	05/12/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng B	
241	8	ML241	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	29/05/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng B	
242	8	ML242	Nguyễn Thị	Thùy	19/04/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng B	
243	8	ML243	Nguyễn Thị	Xuyến	02/04/1984	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tiền Thắng B	
244	8	ML244	Ngô Ngân	Giang	28/07/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	
245	8	ML245	Nguyễn Thị	Hoài	02/11/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	
246	8	ML246	Đinh Thị Thuỳ	Linh	20/11/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	
247	8	ML247	Đỗ Thị Hoài	Ngọc	31/7/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	
248	8	ML248	Bùi Thị	Tĩnh	26/08/1989	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt A	
249	8	ML249	Đào Thế	Hùng	17/06/1996	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt B	Người hoàn thành NVQS
250	8	ML250	Hoàng Thị Mai	Liên	16/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt B	
251	8	ML251	Nguyễn Thùy	Linh	14/08/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tráng Việt B	
252	8	ML252	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/09/1997	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
253	8	ML253	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	22/6/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
254	8	ML254	Nguyễn Thị Thu	Hoài	29/01/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
255	8	ML255	Nguyễn Lương Thu	Huyền	03/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
256	8	ML256	Nguyễn Vũ	Kỳ	20/04/1997	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
257	8	ML257	Lê Mai	Phương	09/05/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
258	8	ML258	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	07/9/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
259	8	ML259	Nguyễn Thị	Toan	26/01/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
260	8	ML260	Nguyễn Thị Tố	Uyên	20/8/1980	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập A	
261	8	ML261	Nguyễn Thị Mai	Anh	29/12/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	
262	8	ML262	Lê Đức	Mạnh	01/7/1992	Nam	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	
263	8	ML263	Nguyễn Thị	Ngọc	10/11/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	
264	8	ML264	Nguyễn Thị	Nhung	11/7/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	
265	8	ML265	Nguyễn Minh	Phương	14/8/2003	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	
266	8	ML266	Nguyễn Thanh	Tâm	05/01/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	
267	8	ML267	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/09/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Văn Khê B	
268	8	ML268	Đỗ Thị Phương	Anh	31/01/1998	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
269	8	ML269	Hạ Phương	Anh	21/5/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
270	8	ML270	Nguyễn Thị Hồng	Anh	19/11/1991	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
271	9	ML271	Đỗ Thị	Hạnh	14/04/1993	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
272	9	ML272	Tạ Thị	Hường	02/1/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
273	9	ML273	Đại Thị	Huyền	19/02/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
274	9	ML274	Kim Thị Mai	Lan	19/10/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
275	9	ML275	Tạ Thị Mỹ	Linh	26/4/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
276	9	ML276	Lưu Thùy	Linh	13/8/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
277	9	ML277	Lương Thị Ngọc	Linh	24/12/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
278	9	ML278	Nguyễn Ngọc Huyền	My	10/6/2000	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
279	9	ML279	Nguyễn Thị	Nhi	12/6/2001	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
280	9	ML280	Kim Thị Hồng	Nhung	28/5/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
281	9	ML281	Dương Thị	Oanh	29/5/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
282	9	ML282	Phạm Thị	Sen	23/11/1996	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
283	9	ML283	Nguyễn Hoàng Nhân	Tâm	27/4/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
284	9	ML284	Nguyễn Thị Phương	Thảo	26/01/1994	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
285	9	ML285	Nguyễn Thị	Thuý	20/06/1995	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
286	9	ML286	Bá Thị Huyền	Trang	27/05/1992	Nữ	Văn hoá TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	
287	9	ML287	Nguyễn Thị Kiều	Vân	13/11/2002	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
288	9	ML288	Đặng Thị	Vân	01/10/1999	Nữ	Văn hoá TH	Tiếng Anh	TH Vạn Yên	
289	9	ML289	Nguyễn Thị	Giang	04/8/1997	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
290	9	ML290	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	23/09/1997	Nữ	Mỹ Thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
291	9	ML291	Nguyễn Thị	Hằng	06/12/1993	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
292	9	ML292	Hoàng Thị	Hường	29/4/2002	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
293	9	ML293	Nguyễn Thị	Phương	06/7/1993	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
294	9	ML294	Lưu Thị Phương	Thảo	29/12/2000	Nữ	Mỹ thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
295	9	ML295	Dương Đức	Thiện	18/4/2002	Nam	Mỹ Thuật TH	Tiếng Anh	TH Quang Minh A	
296	9	ML296	Nguyễn Thị	Duyên	23/01/1991	Nữ	Âm nhạc TH	Tiếng Anh	TH Hoàng Kim	
297	9	ML297	Nguyễn Thị	Huệ	26/9/1992	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	
298	9	ML298	Trần Thị	Yến	30/10/1997	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Tiến Thịnh	
299	9	ML299	Phan Khánh	Linh	14/9/1998	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
300	9	ML300	Lê Thị	Ngọc	02/5/2002	Nữ	Âm nhạc THCS	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
301	9	ML301	Trần Thị Kim	Dung	15/08/1998	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
302	9	ML302	Đào Hồng	Hạnh	01/6/2002	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
303	9	ML303	Tạ Thị	Huyền	25/02/1995	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	
304	9	ML304	Nguyễn Văn	Son	16/7/1984	Nam	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Chi Đông	Con TB
305	9	ML305	Đàm Anh	Thắng	04/07/1990	Nam	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập B	Con BB
306	9	ML306	Nguyễn Hữu	Trình	15/7/1984	Nam	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập B	
307	9	ML307	Nguyễn Thị	Thúy	02/07/1992	Nữ	Tin học TH	Tiếng Anh	TH Tự Lập B	
308	10	ML308	Trần Thị	Hà	30/3/1986	Nữ	Tin học THCS	Tiếng Anh	THCS Kim Hoa	
309	10	ML309	Đào Thuý	Lan	28/6/1994	Nữ	Tin học THCS	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
310	10	ML310	Trần Đức	Khóa	14/12/1997	Nam	GDCD	Tiếng Anh	THCS Chu Phan	
311	10	ML311	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	15/6/2002	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Thanh Lâm A	
312	10	ML312	Nguyễn Thị	Nhung	06/10/1996	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Thanh Lâm A	
313	10	ML313	Trần Thị	Thanh	15/2/1989	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Thanh Lâm A	
314	10	ML314	Phạm Thị Bích	Duyên	11/9/1995	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
315	10	ML315	Nguyễn Hương	Linh	09/07/2002	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
316	10	ML316	Nguyễn Thị	Tươi	29/8/1991	Nữ	GDCD	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
317	10	ML317	Đặng Thu	Lệ	26/01/1996	Nữ	Ngữ Văn	Miễn thi	THCS Đại Thịnh	
318	10	ML318	Lê Thị	Lệ	12/10/1992	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	
319	10	ML319	Phan Thị	Nam	21/12/1991	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	
320	10	ML320	Nguyễn Thị Minh	Phú	10/2/1992	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	
321	10	ML321	Hà Thị	Loan	04/01/1993	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Đại Thịnh	
322	10	ML322	Ngô Mai	Chi	29/12/2000	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	
323	10	ML323	Vũ Thị	Hiền	18/01/1995	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	
324	10	ML324	Nguyễn Thị	Hường	05/08/1990	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	
325	10	ML325	Đặng Thị Kiều	Oanh	14/3/1996	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Phạm Hồng Thái	
326	10	ML326	Hà Tú	Anh	03/08/2001	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
327	10	ML327	Ngô Thị Ngọc	Anh	08/08/1999	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
328	10	ML328	Trần Thị Kim	Chi	08/10/1991	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
329	10	ML329	Nguyễn Thị	Dung	12/02/2001	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
330	10	ML330	Phan Thị	Hằng	27/7/1987	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
331	10	ML331	Lê Thị Thanh	Hoàn	18/7/1994	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
332	10	ML332	Lê Thị	Huyền	12/2/1999	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
333	10	ML333	Nguyễn Thu	Lan	27/7/2000	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
334	10	ML334	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	17/9/1997	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
335	10	ML335	Phạm Thị Phương	Nguyễn	03/12/1986	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
336	10	ML336	Đỗ Thị	Quý	08/11/1993	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	Con TB
337	10	ML337	Đỗ Xuân	Quỳnh	12/06/2001	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
338	10	ML338	Tạ Thị Huyền	Trang	27/02/2001	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
339	10	ML339	Nguyễn Hải	Anh	06/12/2000	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
340	10	ML340	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/04/1991	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
341	10	ML341	Nguyễn Thị Tâm	Đan	04/9/1995	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
342	10	ML342	Phạm Thị Thuý	Đạt	30/1/1993	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
343	10	ML343	Nguyễn Hồng	Hà	24/3/2003	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
344	10	ML344	Nguyễn Thị	Hạ	08/5/1992	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
345	11	ML345	Nguyễn Thị	Hiền	16/9/1990	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
346	11	ML346	Vũ Thị	Lý	15/6/1988	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
347	11	ML347	Nguyễn Hồng	Phúc	12/4/1994	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
348	11	ML348	Phùng Thị	Quỳnh	24/12/1995	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
349	11	ML349	Nguyễn Thị	Thơm	14/01/1990	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
350	11	ML350	Nguyễn Thị	Thuý	27/08/1993	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tiên Thắng	
351	11	ML351	Nguyễn Thị	Trâm	05/09/1996	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
352	11	ML352	Đỗ Thị Như	Tuyến	17/5/1993	Nữ	Ngữ văn	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
353	11	ML353	Đào Phương	Anh	27/03/2002	Nữ	Ngữ Văn	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
354	11	ML354	Lê Thị	Hạnh	29/5/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	
355	11	ML355	Tạ Bích	Hậu	31/12/1992	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	
356	11	ML356	Đỗ Thanh	Hương	03/04/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	
357	11	ML357	Phạm Thị	Ngân	26/04/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	
358	11	ML358	Nguyễn Thị	Thảo	28/8/1998	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	
359	11	ML359	Nguyễn Thu	Trang	29/6/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Liên Mạc	
360	11	ML360	Nguyễn Thị Kim	Ánh	17/2/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
361	11	ML361	Nguyễn Quang	Dương	27/10/1992	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
362	11	ML362	Nguyễn Thị Thuý	Dương	21/10/1999	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
363	11	ML363	Lê Thúy	Hà	11/8/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
364	11	ML364	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	23/12/1996	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
365	11	ML365	Nguyễn Thị	Huệ	08/05/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
366	11	ML366	Nguyễn Thị Phương	Linh	03/4/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
367	11	ML367	Nguyễn Thị Diệu	Linh	12/07/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
368	11	ML368	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	19/10/1997	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
369	11	ML369	Nguyễn Hồng	Nguyệt	26/4/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
370	12	ML370	Hoa Quốc	Phong	05/11/2002	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
371	12	ML371	Lê Thị	Thư	27/8/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
372	12	ML372	Đỗ Thuý	Trang	13/9/1996	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
373	12	ML373	Trương Thị	Vi	13/5/1999	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiền Phong	
374	12	ML374	Nguyễn Huy	An	01/03/2001	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
375	12	ML375	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/8/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
376	12	ML376	Đỗ Thị Thu	Hà	14/04/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
377	12	ML377	Phạm Mỹ	Hà	13/3/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
378	12	ML378	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	06/9/2000	Nữ	Toán học	Miền Thi	THCS Tiến Thắng	
379	12	ML379	Nguyễn Thị Vân	Huyền	10/3/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
380	12	ML380	Trần Thị Hồng	Khôi	20/7/1990	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
381	12	ML381	Thái Nhật	Long	13/06/2002	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
382	12	ML382	Phùng Thị	Oanh	22/10/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
383	12	ML383	Nguyễn Thu	Phương	06/7/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
384	12	ML384	Nguyễn Thu	Phương	28/8/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
385	12	ML385	Tạ Thị Thùy	Trang	10/5/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tiến Thắng	
386	12	ML386	Trần Thị Mỹ	Duyên	01/11/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
387	12	ML387	Phạm Thị Thúy	Hà	07/11/1985	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
388	12	ML388	Đặng Thu	Hiền	04/8/1996	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
389	12	ML389	Nguyễn Thị	Hoa	08/04/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
390	12	ML390	Nguyễn Thị	Hồng	21/05/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
391	12	ML391	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	16/11/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
392	12	ML392	Trần Diệu	Linh	08/12/2003	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
393	12	ML393	Nguyễn Thành	Luân	01/11/2003	Nam	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
394	12	ML394	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/5/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
395	12	ML395	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18/11/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
396	12	ML396	Trần Thị	Thảo	01/05/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
397	12	ML397	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/1997	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
398	12	ML398	Đỗ Thị Phương	Thảo	08/03/1992	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
399	12	ML399	Trần Thị	Thu	13/01/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
400	12	ML400	Nguyễn Bảo	Uyên	30/5/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
401	12	ML401	Mai Thị	Vân	01/5/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
402	12	ML402	Phạm Thùy	Dương	01/04/2001	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tráng Việt	
403	12	ML403	Nguyễn Thị Thanh	Hà	14/3/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
404	12	ML404	Phạm Thị	Hà	18/3/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
405	12	ML405	Đàm Mai	Hương	10/12/1998	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
406	12	ML406	Nguyễn Thị Lan	Hương	08/11/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
407	13	ML407	Trần Thu	Huyền	15/7/1999	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
408	13	ML408	Lê Thị	Lan	24/11/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
409	13	ML409	Đào Thị	Liên	01/7/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
410	13	ML410	Nguyễn Thị Thuý	Linh	29/7/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
411	13	ML411	Lỗ Thị	Lý	18/01/1992	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
412	13	ML412	Doãn Thị	Minh	10/06/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
413	13	ML413	Nguyễn Thị	Nguyệt	04/04/1991	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
414	13	ML414	Bùi Thị	Phương	23/10/1990	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
415	13	ML415	Nguyễn Thị Bích	Phượng	06/11/2000	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
416	13	ML416	Trần Thị Bích	Thu	15/6/1990	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Tự Lập	
417	13	ML417	Nguyễn Thu	Hà	10/07/1989	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
418	13	ML418	Đỗ Thị Bích	Hằng	01/09/1987	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
419	13	ML419	Nguyễn Thị	Hằng	15/9/1993	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
420	13	ML420	Ngô Thị	Hoa	18/6/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
421	13	ML421	Nguyễn Thị Thu	Mai	25/12/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
422	13	ML422	Nguyễn Thanh	Nga	20/08/2002	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
423	13	ML423	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	25/01/1994	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
424	13	ML424	Đàm Thị	Thảo	11/09/1989	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
425	13	ML425	Nguyễn Thu	Trang	03/09/1997	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
426	13	ML426	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/03/1995	Nữ	Toán học	Tiếng Anh	THCS Văn Khê	
427	14	ML427	Nguyễn Thu	Hằng	09/12/1994	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	
428	14	ML428	Nguyễn Thị	Huế	04/6/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	
429	14	ML429	Nguyễn Thị Hương	Lam	05/09/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	
430	14	ML430	Bùi Thị Hồng	Nhung	03/12/2001	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	
431	14	ML431	Tạ Lưu Bảo	Phương	25/12/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	
432	14	ML432	Chu Thị	Thuý	04/2/1988	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Chi Đông	
433	14	ML433	Nguyễn Thị Thanh	Bình	01/11/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
434	14	ML434	Trần Thị	Dung	13/12/1994	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
435	14	ML435	Nguyễn Thị Thùy	Dung	25/12/2001	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
436	14	ML436	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/04/1984	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
437	14	ML437	Khổng Thị Thanh	Hoan	29/10/1987	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
438	14	ML438	Phạm Thị	Thoa	27/7/1985	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
439	14	ML439	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	01/03/1989	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
440	14	ML440	Nguyễn Thị	Xuân	02/3/1982	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Quang Minh A	
441	14	ML441	Nguyễn Thị	Hường	22/09/1990	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	
442	14	ML442	Nguyễn Thị	Mai	02/4/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	
443	14	ML443	Trần Thị Hồng	Nhung	31/3/1996	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	
444	14	ML444	Nguyễn Thu	Trang	15/2/2000	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	
445	14	ML445	Nguyễn Thị	Xuân	02/11/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm A	
446	14	ML446	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	15/5/1998	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	
447	14	ML447	Nguyễn Thị Thuý	Hoa	18/06/1997	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
448	14	ML448	Phùng Thị Bích	Ngọc	07/01/1996	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	
449	14	ML449	Kiều Thị Yến	Thanh	15/10/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	
450	14	ML450	Nguyễn Thị	Vui	09/01/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Thanh Lâm B	
451	14	ML451	Nguyễn Thị	Hồng	08/4/1991	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Tự Lập A	
452	14	ML452	Nguyễn Thị	Liên	28/07/1990	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Tự Lập A	
453	14	ML453	Hoàng Phương	Loan	17/8/2001	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Tự Lập A	
454	14	ML454	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/01/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	
455	14	ML455	Trần Thị	Luận	10/07/1988	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	
456	14	ML456	Nguyễn Thị Thanh	Mai	27/10/1993	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	
457	14	ML457	Nguyễn Thị	Nhung	18/8/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	
458	14	ML458	Vũ Thị	Tuyết	20/4/1995	Nữ	Tiếng Anh TH	Miễn thi	TH Vạn Yên	
459	14	ML459	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	25/04/1999	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Đại Thịnh	
460	14	ML460	Nguyễn Thị Hương	Nguyệt	15/10/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Đại Thịnh	
461	14	ML461	Hà Thị Thu	Háo	08/11/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	
462	14	ML462	Lê Thị	Hoa	23/01/1984	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	
463	14	ML463	Nguyễn Diệu	Thúy	27/10/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	
464	14	ML464	Lê Hải	Yến	06/12/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	
465	15	ML465	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	05/06/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Liên Mạc	
466	15	ML466	Lê Thị Kim	Anh	23/12/1996	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Mê Linh	
467	15	ML467	Đinh Thị Vân	Anh	10/01/1988	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Mê Linh	Con BB
468	15	ML468	Nguyễn Tiến	Mạnh	07/1/2002	Nam	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Mê Linh	
469	15	ML469	Lê Hoàng Mai	Hương	28/01/1993	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Phạm Hồng Thái	
470	15	ML470	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/4/1999	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
471	15	ML471	Trần Thị Lan	Anh	02/1/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
472	15	ML472	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/1/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
473	15	ML473	Đỗ Thị Thanh	Hà	27/5/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
474	15	ML474	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	04/11/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
475	15	ML475	Nguyễn Thị Kim	Huệ	20/12/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
476	15	ML476	Phạm Mai	Hương	04/7/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
477	15	ML477	Tạ Thị Thanh	Hương	08/7/1995	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
478	15	ML478	Nguyễn Nhật	Linh	30/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
479	15	ML479	Lại Khánh	Linh	25/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
480	15	ML480	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	14/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
481	15	ML481	Nguyễn Thế	Nhật	30/09/1990	Nam	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	

Số TT	Phòng thi	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày, tháng, năm	Giới tính	Môn đăng ký thi tuyển	Ngoại ngữ đăng ký thi	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
482	15	ML482	Phạm Thị Lệ	Quyên	03/4/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
483	15	ML483	Dương Thị Kim	Thanh	02/2/1996	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
484	15	ML484	Phạm Thu	Trang	07/9/1998	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
485	15	ML485	Trần Thị	Trình	27/01/1991	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Quang Minh	
486	15	ML486	Nguyễn Thị	Bảy	19/01/2001	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	
487	15	ML487	Nguyễn Quỳnh	Dương	23/12/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	
488	15	ML488	Phùng Thị	Hằng	22/11/1987	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	
489	15	ML489	Nguyễn Quỳnh	Hoa	21/11/1987	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	
490	15	ML490	Phan Thị	Nhung	01/03/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	
491	15	ML491	Lê Hải	Yến	20/11/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Tiến Thắng	
492	15	ML492	Nguyễn Thu	Hiền	11/07/1991	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
493	15	ML493	Phạm Thị	Huyền	03/10/1994	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
494	15	ML494	Nguyễn Quỳnh	Lưu	25/05/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
495	15	ML495	Nguyễn Thị	Mơ	01/09/1985	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
496	15	ML496	Nguyễn Thị	Nga	17/6/2000	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
497	15	ML497	Trịnh Thị	Nhân	14/11/1995	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
498	15	ML498	Nguyễn Thị	Quyên	18/7/1992	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
499	15	ML499	Đinh Thị	Thành	09/01/1989	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
500	15	ML500	Phạm Thu	Trang	06/9/2002	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	
501	15	ML501	Lê Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Tiếng Anh THCS	Miễn thi	THCS Văn Khê	